TÒA ÁN ND QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 73/2023/DS-ST
Ngày: 18/9/2023
"V/v: Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Minh Hương
- Ông Nguyễn Ngọc Hấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thư ký Tòa án quận Hoàn Kiếm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 86/2023/TLST-DS ngày 11/7/2023, về việc "Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" - theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐST-DS ngày 15/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/QĐST-DS ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1).***
Địa chỉ: Lầu H, 266- B N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí MinhNgười đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch DTổng Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ***Ông Nguyễn Thanh H*** - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S.
Địa chỉ: Tầng B, 2 Bà T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội
(Theo Giấy ủy qyền số 2061/2023/UQ-TGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023)
(Ông Hcó mặt).

**** Bị đơn: Ông Phạm Toàn Tsinh năm 1975***
Hộ khẩu thường trú: Số A M, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội
(Ông Tvắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại Đơn khởi kiện và các Bản tự khai, Đơn trình bày tại Toà án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 09/11/2010 ông Phạm Toàn T có ký với Ngân hàng TMCP S(viết tắt là S1) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp

đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, S1 đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng số 462881 - 7656, với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, từ ngày kích hoạt Thẻ đến ngày 25/10/2011 ông T đã thanh toán cho S1 số tiền 5.150.132 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Tvẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Tvi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/11/2011 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ của ông Tvà chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Lãi quá hạn: 3.225%/tháng = 2.15%/tháng x 150%.cụ thể như sau:

Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 13.673.719 đồng. Lãi quá hạn: 3.225%/tháng = 2.15%/tháng x 150% lãi suất trong hạn (Theo Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N):

Lãi suất ngày: (nợ gốc x lãi suất Thẻ x 150%)/30 = (13.673.719 đồng x 2.15% x 150%)/30 = 14.699 đồng. Số ngày lãi quá hạn: Ngày chuyển nợ quá hạn từ ngày 26/11/2011 đến ngày 15/8/2023 = 4.281 ngày. Số tiền nợ lãi quá hạn là: 14.699 đồng x 4.281 ngày = 62.926.419 đồng.

Tính đến ngày 15/8/2023 ông Phạm Toàn Tcòn nợ S1tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi là 76.600.138 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 13.673.719 đồng; lãi quá hạn 62.926.419 đồng.

Mặc dù S1 đã yêu cầu ông Tcó trách nhiệm thanh toán cho S1tuy nhiên ông Tvẫn không thanh toán cho S1vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của S1, S1 đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc ông Phạm Toàn T phải trả ngay cho S1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/8/2023 là 76.600.138 đồng (Bảy mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn, một trăm ba mươi tám đồng), trong đó:

+ Tiền nợ gốc là: 13.673.719 đồng

+ Tiền lãi quá hạn là: 62.926.419 đồng, cụ thể:

2. Buộc ông Phạm Toàn Tcó trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 16/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho S1.

3. Buộc ông Phạm Toàn Tphải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

Ngoài các yêu cầu trên, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn - ông Phạm Toàn T:*** đã được Tòa án tống hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác để ông T biết những vấn đề cụ thể mà S1yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập ông Tđến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, ông Tkhông có mặt theo Thông báo triệu tập

của Tòa án để viết bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của S1, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải.

Tại phiên tòa:

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Strình bày:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả cho S1 tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2023 là 77.099.904 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 13.673.719 đồng; lãi quá hạn 63.426.185 đồng.

Ông Phạm Toàn T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay cho S1 theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và quan điểm giải quyết vụ án:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Tòa án đã tiến hành niêm yết các Văn bản, Thông báo, Quyết định hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1, tại phiên tòa lần 2 bị đơn ông Tvẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1). Buộc ông Tphải trả cho Ngân hàng S1, tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2023 là 77.099.904 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 13.673.719 đồng; lãi quá hạn 63.426.185 đồng.

Ông T còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm 19/9/2023 cho đến khi trả hết khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền:

Xét thấy: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S(S1) khởi kiện tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm là nơi giải quyết tranh chấp theo nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú của bị đơn ông Phạm Toàn T tại địa chỉ số A M, phường H, quận H, Thành phố Hà Nộilà đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về quan hệ pháp luật:

Ngân hàng TMCP S(S1) khởi kiện ông Phạm Toàn T yêu cầu Tòa án tuyên ông Tphải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Số tiền tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên. Do đó quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Về thủ tục tố tụng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn ông Phạm Toàn T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại số A M, phường H, quận H, Thành phố Hà NộiQuá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh Công an phường Hcung cấp cho Tòa án biết ông Phạm Toàn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số A M, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội nhưng ông T không sinh sống tại địa chỉ trên từ khoảng năm 2010, đến nay, đi đâu không rõ mà không thông báo nơi cư trú mới cho nguyên đơn và cơ quan, người có thẩm quyền là thuộc trường hợp "cố tình giấu địa chỉ" theo điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: "trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung" và xác định địa chỉ số A M, phường H, quận H, Thành phố Hà Nộilà địa chỉ cư trú cuối cùng của ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Bị đơn ông Phạm Toàn T không đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các Thông báo, quyết định của Tòa án yêu cầu ông T đến Tòa án làm việc và các Quyết định, Thông báo khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập đương sự nhưng ông Tvẫn vắng mặt không có lý do tại tất cả các buổi làm việc của Toà án. Do ông T không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên phải chịu hậu quả theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp và do Tòa án thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 08h30 ngày 31/8/2023 nhưng bị đơn ông Tvẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vụ án vào hồi 14h00' ngày 18/9/2023. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Tvẫn vắng mặt không có lý do.

Đồng thời, Tòa án đã áp dụng Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự để nguyên đơn tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian tham gia phiên tòa, phía nguyên đơn Ngân hàng có Văn bản gửi Tòa án về việc từ chối thủ tục đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian mở phiên tòa. Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng tin trên cổng thông tin điện tử của Tòa án về thời gian mở phiên tòa, nhưng tại phiên tòa bị đơn ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Toàn T là

có căn cứ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung và hiệu lực của Hợp đồng:

Ngày 09/11/2010 ông Phạm Toàn T ký với Ngân hàng TMCP S(S1) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1 - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, S1 đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng số 462881 - 7656, với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Hai bên ký Hợp đồng tự nguyện, người ký kết là người có thẩm quyền và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo pháp luật. Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng như cam kết.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.000.000 đồng. Ông T đã thanh toán cho S1 số tiền 5.150.132 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày 26/11/2011 Ngân hàng chuyển số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của S1. Ngày 26/11/2011 S1 đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 13.673.719 đồng sang nợ quá hạn, gọi là dư nợ gốc (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Lãi quá hạn: 3.225%/tháng = 2.15%/tháng x 150%, cụ thể như sau:

Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 13.673.719 đồng.

Lãi quá hạn: 3.225%/tháng = 2.15%/tháng x 150% lãi suất trong hạn (Theo Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N

Lãi suất ngày: (nợ gốc x lãi suất Thẻ x 150%)/30 = (13.673.719 đồng x 2.15% x 150%)/30 = 14.699 đồng. Số ngày lãi quá hạn: Ngày chuyển nợ quá hạn từ ngày 26/11/2011 đến ngày 18/9/2023 = 4.315 ngày. Số tiền nợ lãi quá hạn là: 14.699 đồng x 4.281 ngày = 63.426.185 đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2023 ông Phạm Toàn Tcòn nợ S1tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi là 77.099.904, trong đó: Tiền nợ gốc là 13.673.719 đồng; tiền lãi quá hạn là 63.426.185 đồng.

S1đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho S1 toàn bộ khoản tiền nợ gốc và tiền nợ lãi quá hạn như S1 đã tính theo Bản kê tính gốc, lãi của S1 theo đúng như Hợp đồng các bên đã cam kết và buộc ông T phải tiếp tục chịu lãi suất kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ cho S1.

Từ căn cứ và nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Phạm Toàn T phải trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 18/9/2023 là 77.099.904, trong đó tiền gốc là 13.673.719 đồng; tiền lãi quá hạn là 63.426.185 đồng và tiếp tục phải trả tiền lãi suất tính từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/9/2023 đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ cho S1.

Về án phí: Buộc ông Phạm Toàn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 180; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 429; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 90; Điều 91; Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Điều 2; Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S(S1) đối với bị đơn ông Phạm Toàn T về việc "Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng".

2. Buộc bị đơn ông Phạm Toàn Tphải trả cho Ngân hàng TMCP S(S1) tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2023 là ***77.099.904 đồng (bảy mươi bảy triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm linh bốn đồng)***, trong đó: Tiền nợ gốc là 13.673.719 đồng; tiền lãi quá hạn là 63.426.185 đồng

3. *Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/9/2023, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.*

4. Về án phí: Bị đơn ông Phạm Toàn Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.855.000 đồng (Ba triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng)

Trả lại nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) 1.818.000 đồng (Một triệu, tám trăm mười tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn Ngân hàng TMCP S(S1đã nộp theo Biên lai số AA/2020/******* ngày 11/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1), vắng mặt bị đơn ông Phạm Toàn T.

Tòa án báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Phạm Toàn Tvắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDQHK;
- Các đương sự;
- THADSQHK;
- TANDTPHN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền Hòa